

BÙI THỊ THU HIỀN (Chủ biên, 2023), *Biển Đông trong tầm nhìn chiến lược của Trung Quốc 10 năm nhìn lại (2012-2022): Từ chính sách đến thực thi*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 399 tr.

Trên bản đồ địa chính trị và địa chiến lược của thế giới, biển Đông có vị trí chiến lược. Biển Đông được xem là một trọng tâm, một mắt xích cốt yếu quyết định sự thành công của mọi chiến lược mà Trung Quốc đang triển khai. Cuốn sách đem đến cái nhìn khái quát, toàn diện về vai trò, vị trí của biển Đông trong các mục tiêu chiến lược lớn của Trung Quốc trong 10 năm (2012-2022) kể từ Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay. Vị trí, vai trò của biển Đông trong các chiến lược của Trung Quốc được các tác giả phân tích, đánh giá trên tất cả các lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại); đồng thời nhìn nhận trên nhiều cấp độ (từ động thái, kế hoạch, chiến lược, chính sách, chủ trương, quan điểm cho đến thực tiễn thực thi và mức độ đạt được mục tiêu của các chiến lược đó).

Nội dung sách được trình bày trong 10 chương. *Chương 1* khái quát về biển Đông - cửa ngõ đi ra Thái Bình Dương. *Các chương từ 2 đến 7* phân tích vị trí của biển Đông trong chính sách của Trung Quốc trên từng lĩnh vực cụ thể trong giai đoạn 10 năm (2012-2022). *Chương 8* làm rõ quá trình nội luật hóa yêu sách chủ quyền của nước này ở biển Đông. *Chương 9* xem xét quan hệ Mỹ - Trung và vấn đề tự do hàng hải ở biển Đông. *Chương 10* đánh giá chung về chính sách của Trung Quốc tại biển Đông qua 10 năm, dự báo các nhân tố tác động, đồng thời dự báo những khả năng có thể xảy ra trong chính sách của Trung Quốc tại biển Đông trong thời gian tới.

HOÀI PHÚC

PHÙNG CHÍ KIÊN, NGUYỄN VĂN NHƯ (2023), *Chủ nghĩa dân túy trong đời sống chính trị thế giới và gợi ý tham khảo đối với Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 280 tr.

Ở Việt Nam, quan niệm và biểu hiện của chủ nghĩa dân túy mới chỉ ở dạng quan điểm hoặc suy nghĩ được thể hiện bằng lời nói và hành động của một số người. Tuy nhiên, trước sự tác động lớn từ những diễn biến phức tạp của đời sống chính trị, những biểu hiện chủ nghĩa dân túy có xu hướng ngày càng phát triển. Nội dung sách khái quát cơ bản về chủ nghĩa dân túy cũng như những biểu hiện cụ thể của nó ở một số nền chính trị tiêu biểu trên thế giới, từ đó nhận diện, đánh giá và đưa ra gợi ý tham khảo cho Việt Nam trong ứng xử với chủ nghĩa dân túy.

Sách gồm 3 chương. *Chương 1* khái quát về lịch sử phát triển chủ nghĩa dân túy cũng như chỉ ra một số nguyên nhân trỗi dậy của nó những năm gần đây. *Chương 2* phân tích một số trường hợp điển hình của chủ nghĩa dân túy tại châu Mỹ (Mỹ, một số nước Mỹ Latin), châu Âu (Italy, Vương quốc Anh) và Đông Nam Á (Thái Lan, Philippines). Tại mỗi nền chính trị này, chủ nghĩa dân túy vừa thể hiện những đặc trưng phổ quát, vừa cho thấy những sắc thái riêng tùy theo bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội cụ thể. *Chương 3* nhận diện, đánh giá những nguy cơ và thách thức cũng như một số đường lối, chính sách tiêu biểu liên quan đến chống chủ nghĩa dân túy ở Việt Nam những năm gần đây, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm và liên hệ thực tiễn đối với Việt Nam trong quá trình ngăn chặn những tác hại của chủ nghĩa dân túy và những biểu hiện dân túy.

QT.

PHẠM THỊ HƯƠNG QUỲNH (2023), **Ẩn dụ ý niệm trong tư duy của người Việt (Khảo sát trên tư liệu ngôn ngữ đời thường của người Việt ở một số tỉnh đồng bằng Bắc bộ)**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 247 tr.

Ngôn ngữ học tri nhận đang là một hướng đi được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm. Một trong những mục đích của ngôn ngữ học tri nhận là nghiên cứu chức năng tư duy gắn với sự biểu hiện thể giới trong ngôn ngữ. Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, cuốn sách tìm hiểu đặc điểm tư duy của người Việt thể hiện qua ngôn ngữ giao tiếp đời thường.

Sách gồm 4 chương. *Chương 1* nghiên cứu những vấn đề lý luận, làm rõ các xu hướng chính, các nguyên lý của ngôn ngữ học tri nhận, mối quan hệ ngôn ngữ - tri nhận - văn hóa. Các *chương 2, 3, 4* lần lượt phân tích ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng trong tư duy của người Việt. Trong đó, tác giả làm rõ mô hình tỏa tia của từng loại ẩn dụ, đồng thời minh chứng bằng một số ẩn dụ ý niệm tiêu biểu trong ngôn ngữ giao tiếp đời thường. Trong *ẩn dụ cấu trúc*, các ví dụ được phân tích gồm ẩn dụ ý niệm về: cuộc đời, tình yêu, hôn nhân, tiền bạc, cái chết. Trong *ẩn dụ bản thể*, các ví dụ tiêu biểu được phân tích gồm ẩn dụ ý niệm về: đạo đức, xã hội, thời gian, xung đột. Trong *ẩn dụ định hướng*, các ví dụ tiêu biểu được phân tích gồm: Ý thức định hướng lên trên, vô thức định hướng xuống dưới; Niềm vui định hướng lên trên, nỗi buồn định hướng xuống dưới; Sự sống/sức khỏe định hướng lên trên, bệnh tật/cái chết định hướng xuống dưới; Quyền lực định hướng lên trên, sự phục tùng định hướng xuống dưới; Đức hạnh định hướng lên trên, tội lỗi định hướng xuống dưới.

PHẠM NGUYỄN

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG HOA (2023), **Các giải pháp phát triển khu công nghệ cao trong bối cảnh Cách mạng Công nghệ 4.0**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 396 tr.

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), Việt Nam luôn coi khoa học công nghệ là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, khoa học công nghệ phải là khâu đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ tạo nền tảng thúc đẩy sự phát triển của các ngành mới, lĩnh vực mới. Vì vậy, ngay từ đầu những năm 1990, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những định hướng, quyết sách đúng đắn để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao (CNC). Nội dung sách tập trung nghiên cứu chính sách phát triển khu CNC, tham khảo kinh nghiệm thực tiễn thế giới cũng như tìm hiểu thực trạng chính sách phát triển các khu CNC của Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0, từ đó đưa ra một số giải pháp chính sách phát triển và điều kiện thực hiện.

Sách gồm 4 chương. *Chương 1* trình bày cơ sở lý luận về chính sách phát triển khu CNC trong bối cảnh CMCN 4.0. *Chương 2* tìm hiểu chính sách phát triển khu CNC của Trung Quốc và Hàn Quốc. *Chương 3* phân tích thực trạng hoạt động cũng như chính sách hiện hành của các khu CNC ở Việt Nam trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế tại 3 khu CNC quốc gia (gồm: khu CNC Hòa Lạc, khu CNC thành phố Hồ Chí Minh và khu CNC Đà Nẵng), đồng thời làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách phát triển khu CNC Việt Nam. *Chương 4* đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm điều chỉnh phát triển khu CNC theo bối cảnh mới, theo từng giai đoạn.

TK.